

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa học Môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **VĂN DIỆU ANH**

2. Ngày tháng năm sinh: 03/04/1977; ☐ Nam ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 31 ngõ 80 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: 31 ngõ 80 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 0438533309; Điện thoại di động: 0972033483;

E-mail: anh.vandieu@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 10/1999 đến tháng 09/2000 hợp đồng giảng dạy tại Khoa Hóa học, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
- Từ tháng 10/2000 đến tháng 03/2002 giảng viên tại Khoa Môi trường, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
- Từ tháng 04/2002-09/2007: học tập tại trường Kanazawa, Nhật Bản

- Từ tháng 10/2007 đến tháng 07/2010 giảng viên tại Khoa Môi trường, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
- Từ tháng 08 năm 2010 đến nay: giảng viên tại Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Từ tháng 04 năm 2019 đến nay: Phó trưởng bộ môn Quản lý Môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: C10 Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 01 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0438681686

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không có

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 03 tháng 07 năm 1999; số văn bằng: B162825; ngành: Hóa học, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học Huế, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 09 năm 2004; số văn bằng: Shi-Shu 2604; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Kanazawa, Nhật Bản.
- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 09 năm 2007; số văn bằng: Shi-Haku-Ko 954; ngành:.....; chuyên ngành: .; Nơi cấp bằng TS: Đại học Kanazawa, Nhật Bản.
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:.....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm ... , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (Hội đồng II: Vật lý, luyện kim, hóa học)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS liên ngành: Hóa học và Công nghệ Thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Ô nhiễm các hóa chất vi lượng (micro-pollutant) trong môi trường nước

(2) Ô nhiễm bụi $PM_{2.5}$ và thành phần các hợp chất hữu cơ, kim loại nặng trong bụi $PM_{2.5}$

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS; Đang hướng dẫn chính 01 NCS đã bảo vệ hội đồng cấp cơ sở.
- Đã hướng dẫn 11 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS trong 6 năm học gần đây.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - Đã chủ trì và hoàn thành 04 đề tài cấp cơ sở;
 - Thụ ký 02 đề tài Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted): 01 đề tài đã hoàn thành, 01 đề tài đang triển khai.
 - Đã tham gia và hoàn thành 01 dự án hợp tác quốc tế.
 - Thụ ký 01 đề tài cấp quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ đang được triển khai.
- Đã công bố 30 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (bao gồm 1 chương sách);
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01: *Giáo trình phân tích chất lượng môi trường*, nhà xuất bản Đại học Bách Khoa, ISBN: 978-604-93-8859-0; 01 chương sách: *Contamination of Polycyclic Aromatic Hydrocarbons in Water Systems* trong Focus on water resource research nhà xuất bản Nova Science Publisher, ISBN: 978-1-60456-093-0, 01 book section: *The behavior of Polycyclic Aromatic Hydrocarbons in an aquatic environment in Hokuriku Region* trong *Past, present and future environments of Pan-Japan Sea Region*, Mauen Co. Ltd, Japan thuộc nhà xuất bản Mauen Co. Ltd, Nhật Bản, ISBN: 4-621-07743-0 trong đó có 01 chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không có

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm 2018-2019;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đạt các tiêu chuẩn nhà giáo và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

Về tư cách đạo đức: chấp hành nghiêm túc các đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và nơi cư trú. Có tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, luôn nỗ lực thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao; cởi mở, hoà đồng và sẵn sàng giúp đỡ sinh viên và đoàn kết gắn bó với đồng nghiệp.

Về công tác chuyên môn: Trong quá trình công tác, với vị trí một giảng viên đại học, hằng năm tôi đã tham gia vào các công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cụ thể:

Hoạt động giảng dạy: tham gia giảng dạy các học phần được phân công trong chương trình Đại học (phân tích chất lượng môi trường, thí nghiệm phân tích chất lượng môi trường, kiểm toán chất thải, quản lý chất lượng nước) và trong chương trình sau đại học (kiểm kê nguồn thải, quản lý lưu vực sông và đới bờ), hướng dẫn sinh viên làm đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp, hướng dẫn học viên cao học làm luận văn tốt nghiệp và hướng dẫn nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ. Tôi luôn cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy được giao.

Bên cạnh đây tôi còn tham gia viết đề cương một số học phần trong các chương trình đào tạo đại học và sau đại học của Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường; là thư ký hội đồng xây dựng các chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường; tham gia công tác giáo viên quản lý lớp.

Hoạt động nghiên cứu khoa học: Tôi luôn tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, chủ trì và tham gia các đề tài khoa học từ cấp cơ sở đến cấp Bộ, cấp Nhà nước cũng như các đề tài, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường. Các kết quả nghiên cứu của tôi và đồng nghiệp đã được công bố trên nhiều công trình khoa học trong nước và quốc tế.

Trong quá trình công tác, tôi luôn thực hiện các nhiệm vụ, công việc với tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên trau dồi kiến thức và từng bước nâng cao trình độ của bản thân. Tôi luôn đề cao sự sáng tạo, coi trọng sự trung thực, nghiêm túc và chuẩn mực trong giảng dạy và nghiên cứu. Tôi luôn coi trọng sự hợp tác, tinh thần làm việc nhóm và trách nhiệm cá nhân trong mọi công việc của mình và của tập thể.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	1	0	02	08	165	30	195/556/270
2	2017-2018	1	0	03	04	165	30	195/559,5/270
3	2018-2019	1	0	02	05	165	0	165/379,5/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020	0	0	01	06	165	0	165/372/270
5	2020-2021	0	0	02	09	165	0	165/395,4/270
6	2021-2022	0	0	01	05	150	7.5	157,5/297/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm
- Bảo vệ luận văn ThS ☒ luận án TS ☒ hoặc ☐ TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2004 (thạc sỹ) và năm 2007 (tiến sỹ).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Sư phạm Huế số bằng: C24334; năm cấp: 1999.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng ☐ khác ; Diễn giải:

.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

.....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Ngô Huy Thành	✓		✓		05/2015-05/2022	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Đã bảo vệ hội đồng cơ sở ngày 11/5/2022
2	Trương Văn Viết			✓ (độc lập)		10/2015-10/2016		27/12/2016
3	Đinh Thị Nga			✓ (độc lập)		10/2015-04/2017		2017

4	Vũ Đức Duy			✓ (độc lập)		10/2016- 10/2017	27/12/2017
5	Lê Thanh Tùng			✓ (độc lập)		05/2015- 04/2018	27/12/2017
6	Lê Duy Hương			✓ (độc lập)		10/2015- 04/2018	12/2018
7	Nguyễn Mạnh Cường			✓ (độc lập)		06/2016- 10/2018	12/2018
8	Nguy Thị Nguyên Hồng			✓ (độc lập)		04/2017- 04/2019	09/07/2019
9	Phùng Ngọc Hải			✓ (độc lập)		10/2017- 04/2019	30/12/2019
10	Phạm Văn Huấn			✓ (độc lập)		09/2018- 09/2020	28/12/2020
11	Phan Thanh Hải			✓ (độc lập)		09/2018- 03/2021	20/12/2021
12	Vũ Thị Kim Hiền			✓ (độc lập)		04/2020- 04/2022	Đã bảo vệ luận văn thạc sỹ ngày 07/04/2022 Đang chờ nhận bằng

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Giáo trình phân tích chất lượng môi trường	Giáo trình	Nhà xuất bản Bách Khoa, năm 2016	2			

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [],.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Bước đầu nghiên cứu xử lý chất thải nguy hại theo hướng thu hồi kim loại với đối tượng	Chủ nhiệm	T2013-03	06/2013 - 12/2013	15/12/2013 Tốt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	là bùn thải của quá trình điện phân kẽm				
2	Nghiên cứu đánh giá mức độ và rủi ro sức khỏe từ các hợp chất PAH trong không khí tại Hà Nội	Chủ nhiệm	T2015-246	01/2016-12/2016	20/12/2015 Đạt
3	Nghiên cứu đặc điểm hồ đầm phú dưỡng tại khu vực Hà Nội và phát triển mô hình trí tuệ nhân tạo phân loại mức độ phú dưỡng của thủy vực	Thư ký	105.99-2012.17	02/2013 - 10/2016	10/2016 Đạt
4	Nghiên cứu các dạng tồn tại và mối nguy hại của một số kim loại nặng trong nước và trầm tích của hệ thống sông nội đô Hà Nội	Chủ nhiệm	T2017-PC-015	11/2017-10/2018	30/11/2018 Đạt
5	Nghiên cứu khả năng hấp thụ bức xạ UV-Vis của thành phần carbon nâu trong bụi PM _{2.5} tại Hà Nội	Chủ nhiệm	T2020-PC-030	07/2020-06/2021	07/2021 Đạt
6	Nghiên cứu công nghệ xử lý các hợp chất hữu cơ bền vững có chứa nguyên tố Flo (FPOPs) trong nước thải sử dụng vật liệu hấp phụ - xúc tác	Thư ký	ĐTĐL.CN-67/19	12/2019-11/2022	Đang thực hiện
7	Nghiên cứu đặc trưng bụi PM _{2.5} , bụi nano và mức đóng góp của phần bụi thứ cấp lên bụi PM _{2.5} vào các đợt ô nhiễm bụi tại Hà Nội	Thư ký	105.99-2019.322	04/2020-nay	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Partition of Polycyclic Aromatic Hydrocarbons between the River Water and Sediments at Downstream Locations of Rivers in Kanazawa, Japan	9	✓	Journal of Ecotechnology Research Online ISSN : 1884-0388 Print ISSN : 1881-9982	Tạp chí quốc tế	N.A	13[2], 97-104	2007
2	The behavior of Polycyclic Aromatic Hydrocarbons in an aquatic environment in Hokuriku Region	4		Past, present and future environments of Pan-Japan Sea Region, Mauen Co. Ltd, Japan ISBN: 4-621-07743-0	Book section	N.A	353-364	2006
3	Monitoring of Polycyclic Aromatic Hydrocarbons (PAHs) in Water and Sediment of the Rivers in Kanazawa, Japan	4	✓	International Symposium on Environmental Monitoring in East Asia -Remote Sensing and Forests – Proceeding ISSN: 1345-1553	Hội thảo quốc tế		166-174	11/2005

II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
4	Estimating health burden and economic loss attributable to PM2.5 pollution in ambient air in urban areas in Vietnam	4	✓	Pollution Research ISSN: 0257-8050	Tạp chí quốc tế		41(3): 399-408	06/2022
5	Contamination and Potential Ecology Risk of Heavy Metals in the Sediment of the Cau river, Vietnam	2	✓	Asian Journal of Environment & Ecology ISSN: 2456-690X	Tạp chí quốc tế		18(2), 1-10	06/2022
6	A Review of Characteristics, Causes, and Formation Mechanisms of Haze in Southeast Asia	8	✓	Current Pollution Reports ISSN: 2198-6592	Tạp chí SCIE (IF= 6.373, Q1)		8, 201-220	05/2022
7	Contamination of perfluorooctane sulfonic acid (PFOS) and perfluorooctanoic acid (PFOA) in sediment of the Cau River, Vietnam	4	✓	Environmental Monitoring and Assessment Electronic ISSN: 1573-2959 Print ISSN: 0167-6369	Tạp chí SCIE (IF: 2.513, Q2)			04/2022
8	Một số đặc điểm của các đợt haze tại Hà Nội	8	✓	Tạp chí Môi trường ISSN: 2615-9597	Tạp chí trong nước		Chuyên đề I, 16-21	03/2022
9	Indoor PM0.1 and PM2.5 in Hanoi: Chemical characterization, source identification,	7		Atmospheric Pollution Research ISSN: 1309-1042	Tạp chí SCIE IF= 4.352, Q2)		13(2) 101324	2/2022

	and health risk assessment							
10	Đánh giá khả năng hấp thụ bức xạ của thành phần cacbon nâu trong bụi PM2.5	3	✓	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0868-3224	Tạp chí trong nước		26(4), 100-105	12/2021
11	Distribution of pharmaceutical and personal care products (PPCPs) in aquatic environment in Hanoi and Metro Manila	6	✓	Environmental Monitoring and Assessment Electronic ISSN: 1573-2959 Print ISSN: 0167-6369	Tạp chí SCIE (IF=2.513, Q2)	1	193(12)	11/2021
12	Đánh giá kỹ thuật chiết siêu âm trong phân tích dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc cá nhân (PPCPs) trong mẫu trầm tích sông	5	✓	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0868-3224	Tạp chí trong nước		26(3A) 103-109	09/2021
13	Energy Crop as An Environmentally Sustainable Reclamation Option for Post-mining Sites: A Life Cycle Assessment of Cassava Planting in Vietnam	4		Environmental Science and Pollution Research Electronic ISSN: 1614-7499 Print ISSN: 0944-1344	Tạp chí SCIE (IF= 4.223, Q2)		29, 6722-6732	8/2021
14	Hiện trạng, nguồn và các yếu tố ảnh hưởng tới nồng độ bụi PM2.5 tại Hà Nội: Tổng quan các nghiên cứu	2		Tạp chí Môi trường ISSN: 2615-9597	Tạp chí trong nước		Chuyên đề I, 9-13	03/2021

15	Indoor and outdoor relationship of particle with different size at an apartment in Hanoi: mass concentration and respiratory dose	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 2525-2518	Tạp chí trong nước		58(6), 736-746	12/2020
16	Characteristics of roadside volatile organic compounds in an urban area dominated by gasoline vehicles, a case study in Hanoi	8		Chemosphere ISSN: 0045-6535	Tạp chí SCIE (IF=7.086, Q1)	16	254, 126749	09/2020
17	Nhận diện các yếu tố tác động đến sức khỏe từ hoạt động sản xuất của dự án sản xuất xi măng	5	✓	Tạp chí Môi trường ISSN: 2615-9597	Tạp chí trong nước		Chuyên đề III/2020, 106-108	09/2020
18	Lồng ghép đánh giá tác động sức khỏe trong đánh giá tác động môi trường: Phương pháp tiếp cận đề xuất	5	✓	Tạp chí Môi trường ISSN: 2615-9597	Tạp chí trong nước		Số 8/2020, 28-30	08/2020
19	Occurrence of pharmaceutical and personal care products in Cau River, Vietnam	6	✓	Environmental Science and Pollution Research Electronic ISSN: 1614-7499 Print ISSN: 0944-1344	Tạp chí SCIE (IF=4.223, Q2)	16	28, 12082-12091	05/2020
20	Decision tree techniques to assess the role of daily DO variation in classifying shallow	4		Water Quality Research Journal ISSN: 2709-8044 eISSN 2709-8052	Tạp chí SCIE (IF=1.447, Q3)	2	55.1, 67-78	02/2020

	eutrophicated lakes in Hanoi, Vietnam							
21	Study on the health impact from beehive coal stove usage in households in Hoan Kiem, Hanoi	7	✓	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 2525-2518	Tạp chí trong nước		58(3A), 222-229	04/2020
22	Kỹ thuật điều khiển dữ liệu ứng dụng trong nghiên cứu quá trình phú dưỡng hồ Hà Nội	3		Kỷ yếu Hội nghị: Nghiên cứu cơ bản trong “Khoa học Trái đất và Môi trường” ISSN: 978-604-913-958-1	Hội thảo trong nước		577-780	11/2019
23	Assessment of heavy metal pollution in urban rivers of Hanoi	4	✓	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0868-3224	Tạp chí trong nước		24(2), 216-221	06/2019
24	Occurrence of PAHs in the atmosphere and incense burning area in Hanoi associated with health risk assessment	5	✓	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 2525-2518	Tạp chí trong nước		55(4C), 33-37	10/2017
25	Tối ưu hóa điều kiện phân tích một số thành phần chất PPCP trên hệ thống sắc ký LC/QQQ	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0868-3224	Tạp chí trong nước		22(2), 112-117	06/2017
26	Driving variables for eutrophication in lakes of Hanoi by data-driven technique	3		Water and Environment Journal ISSN:17476585	Tạp chí SCIE (IF= 2.070, Q2)	5	31(2), 176-183	05/2017
27	Studies on distribution and fractionation of heavy metals in	4	✓	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 2525-2518	Tạp chí trong nước		54(2A), 273-280	2016

	sediment of Cau River							
28	Partition of Polycyclic Aromatic Hydrocarbons in water-sediment system containing humic acid	6	✓	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 2525-2518	Tạp chí trong nước		54(2A), 293-298	2016
29	Health risk associated with the potentially toxic cyanobacteria blooms in the lakes of Hanoi by biovolume method, Journal of Science and Technology	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 2525-2518	Tạp chí trong nước		143-13/3 121-126	2015
30	Contamination of Polycyclic Aromatic Hydrocarbons in Water Systems	4		Focus on water resource research, Nova Science Publisher, ISBN: 978-1-60456-093-0	Chương sách		211-235	2008

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 04 (số thứ tự: 06, 07, 11, 19).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
----	---	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

1	Chương trình đào tạo tích hợp Cử nhân – Thạc sỹ Khoa học Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Tham gia	144/QĐ- ĐHBK-ĐT	ĐH Bách Khoa Hà Nội	699/QĐ- ĐHBK-ĐT ngày 23/03/2021	
2	Chương trình đào tạo kỹ sư chuyên sâu đặc thù 180 tín chỉ	Tham gia	144/QĐ- ĐHBK-ĐT	ĐH Bách Khoa Hà Nội	2921/QĐ- ĐHBK-ĐT ngày 08/12/2021	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: không có

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Văn Diệu Anh